

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

Số: **3 9 5 9**/QĐ-BCT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020**

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 2502/QĐ-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 5052/QĐ-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước các đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Công Thương năm 2017;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Công Thương (theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2020 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp, Kế hoạch, Khoa học và Công nghệ, Tổ chức cán bộ và Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ;
- Vụ HCSN-BTC;
- Vụ NSNN-BTC;
- Hệ thống TABMIS;
- Công thông tin điện tử BCT;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, TC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Đặng Hoàng An**

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**TỔNG HỢP PHÂN BỐ NGÂN SÁCH NĂM 2020**

(kèm theo Quyết định số: **3 9 5 9 / QĐ-BCT** ngày **31** tháng **12** năm **2019** của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Bộ Tài chính giao			Bộ Công Thương phân bổ		
		Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước	Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước
<b>I</b>	<b>Dự toán thu từ các khoản phí thuộc ngân sách nhà nước</b>						
1	Số thu phí	5.900	5.900		5.900	0	0
2	Số phí nộp ngân sách nhà nước	5.080	5.080		5.080	0	0
3	Số chi từ nguồn thu phí được để lại	820	820		820	0	0
	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước	820	820		820	0	0
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>4.454.783</b>	<b>4.255.863</b>	<b>198.920</b>	<b>4.454.783</b>	<b>4.255.863</b>	<b>198.920</b>
<b>A</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>384.700</b>	<b>246.700</b>	<b>138.000</b>	<b>384.700</b>	<b>246.700</b>	<b>138.000</b>
	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	384.700	246.700	138.000	384.700	246.700	138.000
<b>B</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>4.070.083</b>	<b>4.009.163</b>	<b>60.920</b>	<b>4.070.083</b>	<b>4.009.163</b>	<b>60.920</b>
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề</b>	<b>659.080</b>	<b>659.080</b>		<b>659.080</b>	<b>659.080</b>	<b>0</b>
1.1	Chi thường xuyên	555.480	555.480		555.480	555.480	0
	Trong đó: Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở trong nước	18.700	18.700		18.700	18.700	0
1.2	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới	5.000	5.000			5.000	0

*Handwritten signature*



TT	Chỉ tiêu	Bộ Tài chính giao			Bộ Công Thương phân bổ		
		Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước	Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước
	Nội dung thành phần số 03: Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân	3.000	3.000			3.000	0
	- Nội dung số 06: Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn	3.000	3.000			3.000	0
	Nội dung thành phần số 11: Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới và công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; truyền thông về xây dựng nông thôn mới	2.000	2.000			2.000	0
	- Nội dung số 02 và số 03: Tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp; công tác giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình; xây dựng và triển khai hiệu quả hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện, đáp ứng yêu cầu quản lý chương trình	2.000	2.000			2.000	0
1.3	Chi Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp	98.600	98.600			98.600	0
	- Việc làm và An toàn lao động	98.000	98.000			98.000	0
	Dự án 1: Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp	600	600			600	0
	Dự án 3: Tăng cường an toàn, vệ sinh lao động						

TT	Chỉ tiêu	Bộ Tài chính giao			Bộ Công Thương phân bổ		
		Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước	Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước
2	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	<b>358.950</b>	<b>358.950</b>		<b>358.950</b>	<b>0</b>	
-	<i>Trong đó: Chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia</i>	<i>176.130</i>	<i>176.130</i>		<i>176.130</i>	<i>0</i>	
3	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	<b>43.000</b>	<b>43.000</b>		<b>43.000</b>	<b>0</b>	
3.1	Chi thường xuyên	10.000	10.000		10.000	0	
3.2	Chi Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số	33.000	33.000		33.000	0	
	<i>Dự án 4: An toàn thực phẩm</i>	<i>32.000</i>	<i>32.000</i>		<i>32.000</i>	<i>0</i>	
	<i>Dự án 8: Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế</i>	<i>1.000</i>	<i>1.000</i>		<i>1.000</i>	<i>0</i>	
4	<b>Chi sự nghiệp văn hoá thông tin</b>	<b>2.300</b>	<b>2.300</b>		<b>2.300</b>	<b>0</b>	
4.1	Chi thường xuyên	300	300		300	0	
4.2	Chi Chương trình mục tiêu Công nghệ thông tin	2.000	2.000		2.000	0	
5	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	<b>23.843</b>	<b>23.843</b>		<b>23.843</b>	<b>0</b>	
5.1	Chi thường xuyên	15.730	15.730		15.730	0	
5.2	Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020	8.113	8.113		8.113	0	
	<i>Dự án thành phần số 1: Thực hiện một số nhiệm vụ tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ</i>	<i>1.000</i>	<i>1.000</i>		<i>1.000</i>	<i>0</i>	



TT	Chỉ tiêu	Bộ Tài chính giao			Bộ Công Thương phân bổ		
		Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước	Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước
	Dự án thành phần số 3: Thực hiện một số hoạt động xây dựng thể chế, chính sách; tăng cường năng lực và theo dõi, giám sát, đánh giá Hợp phần tăng trưởng xanh	7.113	7.113			7.113	0
<b>6</b>	<b>Chi các hoạt động kinh tế</b>	<b>832.330</b>	<b>771.410</b>	<b>60.920</b>	<b>832.330</b>	<b>771.410</b>	<b>60.920</b>
6.1	Chi thường xuyên	825.330	764.410	60.920	825.330	764.410	60.920
	Trong đó: Chi thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ	180.000	180.000		180.000	180.000	0
	Chương trình khuyến công quốc gia	150.000	150.000		150.000	150.000	0
	Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia	136.000	136.000		136.000	136.000	0
	Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia	55.000	55.000		55.000	55.000	0
	Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"	14.000	14.000		14.000	14.000	0
	Đề án về tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp	6.000	6.000		6.000	6.000	0
	Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	10.000	10.000		10.000	10.000	0
6.2	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	7.000	7.000		7.000	7.000	0

*Handwritten signature*

TT	Chỉ tiêu	Bộ Tài chính giao			Bộ Công Thương phân bổ		
		Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước	Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước
	Nội dung thành phần số 03: Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân	7.000	7.000		7.000	7.000	0
	- Các nội dung số 01, 03, 04, 05: Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; tăng cường công tác khuyến nông; thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, hỗ trợ phát triển hợp tác xã; phát triển ngành nghề nông thôn, ...	7.000	7.000		7.000	7.000	0
7	<b>Chi hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội;...</b>	<b>2.150.270</b>	<b>2.150.270</b>		<b>2.150.270</b>	<b>2.150.270</b>	<b>0</b>
-	Kinh phí đảm bảo hoạt động cơ quan thương vụ ngoài nước	302.040	302.040		302.040	302.040	0
-	Kinh phí hoạt động của lực lượng quản lý thị trường	1.390.860	1.390.860		1.390.860	1.390.860	0
-	Đề án Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và đảm bảo an toàn, an ninh hệ thống mạng	68.000	68.000		68.000	68.000	0



TT	Chỉ tiêu	Bộ Tài chính giao			Bộ Công Thương phân bổ		
		Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước	Tổng số	Nguồn kinh phí trong nước	Nguồn kinh phí ngoài nước
8	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	<b>310</b>	<b>310</b>		<b>310</b>	<b>0</b>	
	Chi Chương trình mục tiêu Đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, phòng, chống tội phạm và ma túy	310	310		310	0	
	Dự án 2: Hỗ trợ phòng chống các loại tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia	60	60		60	0	
	Dự án 4: Nâng cao năng lực phòng, chống ma túy cho các lực lượng chuyên trách và năng lực xử lý án về ma túy	250	250		250	0	

**Ghi chú:**

- Kinh phí đảm bảo mức tiền lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng cho cả năm 2020.
- Vốn vay: 24.970 triệu đồng, thực hiện ghi thu - ghi chi theo tiến độ giải ngân và trong phạm vi dự toán được giao.
- Vốn viện trợ: 35.950 triệu đồng, trong đó 19.940 triệu đồng thực hiện rút dự toán trong phạm vi dự toán giao và theo cơ chế tài chính trong nước và 16.010 triệu đồng thực hiện ghi thu - ghi chi theo tiến độ giải ngân và trong phạm vi dự toán được giao.
- Kinh phí các dự án giao cho các đơn vị chỉ được thực hiện khi có đầy đủ thủ tục theo quy định.
- Chi thường xuyên (\*) GD-DT: Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động giao theo số lập dự toán đầu năm: 98.600 triệu đồng. Số vượt 10.000 triệu đồng được điều chỉnh tăng cho Chi thường xuyên để phân bổ cho mua sắm tài sản của các Trường.